

$$16 - 12 = 4 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 4 học sinh

6. Tính: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài: củng cố cách cộng, trừ phân số, số thập phân

$$\text{a) } \frac{2}{5} + \frac{3}{4} = \frac{8}{20} + \frac{15}{20} = \frac{23}{20} \qquad \frac{7}{12} - \frac{2}{7} + \frac{1}{12} = \frac{7}{12} + \frac{1}{12} - \frac{2}{7} = \frac{8}{12} - \frac{2}{7} = \frac{14}{21} - \frac{6}{21} = \frac{8}{21}$$

$$\frac{12}{17} - \frac{5}{17} - \frac{4}{17} = \frac{12 - 5 - 4}{17} = \frac{3}{17}$$

$$\text{b) } 675,39 + 342,14 = 1017,53 \qquad 563,87 + 403,13 - 328,35 = 986 - 328,35 = 638,65$$

* 7. Tính bằng cách thuận tiện nhất: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài: củng cố cách tính nhanh

$$\text{a) } \frac{7}{11} + \frac{3}{4} + \frac{4}{11} + \frac{1}{4} \qquad \text{b) } \frac{72}{99} - \frac{28}{99} - \frac{14}{99}$$

$$= \left(\frac{7}{11} + \frac{4}{11} \right) + \left(\frac{3}{4} + \frac{1}{4} \right) \qquad = \frac{72}{99} - \left(\frac{28}{99} + \frac{14}{99} \right)$$

$$= 1 + 1 = 2$$

$$= \frac{72}{99} - \frac{42}{99}$$

$$= \frac{30}{99} = \frac{10}{33}$$

$$\text{c) } 69,78 + 35,97 + 30,22$$

$$= 69,78 + 30,22 + 35,97$$

$$= 100 + 35,97$$

$$= 135,97$$

$$\text{d) } 83,45 - 30,98 - 42,47$$

$$= 83,45 - (30,98 + 42,47)$$

$$= 83,45 - 73,45$$

$$= 10$$

8. Tìm x: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài: củng cố cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính.

$$\text{a) } x = 0 \qquad x = 0$$

$$\text{b) } x + 3,72 = 8,16$$

$$x = 8,16 - 3,72$$

$$x = 4,44$$

$$x - 0,25 = 3,148$$

$$x = 3,148 + 0,25$$

$$x = 3,398$$

9. Giải bài toán: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài:

Bài giải

Diện tích đất trồng hoa là:

$$540,8 - 385,5 = 155,3 \text{ (ha)}$$

Tổng diện tích đất trồng lúa và trồng hoa của xã đó là:

$$540,8 + 155,3 = 696,1 \text{ (ha)}$$

ĐS: 696,1 ha

B. Hoạt động ứng dụng: Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà cùng người thân thực hiện các yêu cầu ở HĐUD.

TUẦN 32

Tiết 1: Chào cờ

TẬP TRUNG ĐẦU TUẦN

Tiết 2: Toán

Ngày soạn: 16/4/20...

Ngày dạy: Thứ hai, 18/4/20... (T1)

Ngày dạy: Thứ ba, 19/4/20...(T2)

BÀI 105: ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA

I. Mục tiêu:

- Em ôn tập về phép nhân, phép chia các số tự nhiên, phân số, số thập phân.
- * HS thực hiện được HĐ 4.

II. Đồ dùng:

1. GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Chơi trò chơi : “ Truyền quà” Thực hiện phép tính: $4,25 \times 10$

- GV nhận xét, tuyên dương HS thực hiện tốt
- Gv giới thiệu bài
- Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A. Hoạt động thực hành

1. Đọc nội dung sau. (HĐ cặp đôi)

- HS làm đọc thông tin, trao đổi với bạn
- HS báo cáo kết quả

2. Tính: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài : củng cố cách nhân số tự nhiên, số thập phân, phân số.

a) $4802 \times 324 = 1555848$

b) $\frac{3}{5} \times \frac{8}{9} = \frac{3 \times 8}{5 \times 9} = \frac{24}{45}$

c) $26,4 \times 7,8 = 205,92$

c) $32,54 \times 2,05 = 66,707$

3. Tính nhẩm: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài : củng cố cách nhân nhẩm

a) $4,23 \times 10 = 42,3$

b) $214,56 \times 100 = 21\ 456$

c) $34,7 \times 100 = 3470$

$4,23 \times 0,1 = 0,423$

$214,56 \times 0,01 = 2,1456$

$34,7 \times 0,01 = 0,347$

*** 4. Tính bằng cách thuận tiện nhất: (HĐ cá nhân)**

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài : củng cố cách tính nhanh.

a) $2,5 \times 9,3 \times 4$

b) $0,5 \times 3,8 \times 2$

c) $7,61 \times 5 \times 0,2$

d) $5,3 \times 6,7 + 6,7 \times 4,7$

$= (2,5 \times 4) \times 9,3$

$= (0,5 \times 2) \times 3,8$

$= 7,61 \times (5 \times 0,2)$

$= (5,3 + 4,7) \times 6,7$

$= 10 \times 9,3$

$= 1 \times 3,8$

$= 7,61 \times 1$

$= 10 \times 6,7$

$= 93$

$= 3,8$

$= 7,61$

$= 67$

5. Giải bài toán: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài :

Bài giải

Đổi: 1 giờ 30 phút = 1,5 giờ

Sau mỗi giờ hai xe đi được là:

$$48,5 + 33,5 = 82 \text{ (km)}$$

Quãng đường AB dài là:

$$82 \times 1,5 = 123 \text{ (km)}$$

ĐS: 123 km

6. Đọc kĩ nội dung sau: (HĐ cặp đôi)

- HS làm đọc thông tin, trao đổi với bạn
- HS báo cáo kết quả

7. Tính rồi thử lại (theo mẫu): (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài : củng cố cách chia

a) $3675 : 35 = 105$

$20219 : 37 = 546 \text{ dư } 17$

b) $81,92 : 32 = 2,56$

$97,65 : 21,7 = 4,5$

8. Tính : (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài : củng cố chia phân số

$$a) \frac{3}{8} : \frac{5}{4} = \frac{3}{8} \times \frac{4}{5} = \frac{12}{40} = \frac{3}{10}$$

$$b) \frac{4}{7} : \frac{2}{13} = \frac{4}{7} \times \frac{13}{2} = \frac{26}{7}$$

9. Tính nhẩm: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài : củng cố cách nhẩm.

$$a) 25 : 0,1 = 25 \times 10 = 250$$

$$7,2 : 0,1 = 72$$

$$b) 13 : 0,25 = 13 \times 4 = 52$$

$$75 : 0,5 = 150$$

$$42 : 0,01 = 42 \times 100 = 4\ 200$$

$$83 : 0,01 = 8\ 300$$

$$42 : 0,5 = 42 \times 2 = 84$$

$$125 : 0,25 = 1000$$

10. Giải bài toán sau: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài :

Bài giải

Sau 1 năm dân số nước ta tăng thêm là:

$$90.000.000 : 100 \times 1,2 = 1.080.000 \text{ (người)}$$

Hết năm 2014 dân số nước ta là:

$$90.000.000 + 1.080.000 = 91.080.000 \text{ (người)}$$

ĐS: 91.080.000 người

B. Hoạt động ứng dụng: Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà cùng với người thân thực hiện các yêu cầu ở HDUD

Ngày soạn: 17/4/20...

Ngày dạy: Thứ tư, 20/4/20... (T1)

Ngày dạy: Thứ năm, 21/4/20...(T2)

BÀI 106: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. Mục tiêu:

- Em ôn tập về cách thực hiện phép chia
- Viết Kq phép chia dưới dạng phân số và số thập phân
- Tìm tỉ số phần trăm của hai số.

II. Đồ dùng:

GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Chơi trò chơi : “ Đố bạn” thực hiện phép tính $124 : 4$; $23,5 : 0,1$

- GV nhận xét, tuyên dương HS thực hiện tốt
- Gv giới thiệu bài
- Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A. Hoạt động thực hành

1. Tính: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài
- HS trao đổi Kq với bạn.

- GV KT, NX

Đáp án: a) $\frac{12}{7} : 4 = \frac{3}{7}$

$12 : \frac{6}{13} = 26$

$9 : \frac{3}{5} \times \frac{4}{15} = 4$

b) $72 : 45 = 1,6$

$281,6 : 8 = 35,2$

$300,72 : 53,7 = 5,6$

2. Tính nhẩm: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài : củng cố cách chia nhẩm

a) $2,5 : 0,1 = 25$

$5,2 : 0,01 = 520$

$6,8 : 0,1 = 68$

$8,9 : 0,01 = 890$

$14 : 0,5 = 28$

$20 : 0,25 = 80$

$11 : 0,25 = 44$

$2,4 : 0,5 = 4,8$

3. Viết Kq phép chia dưới dạng phân số và số thập phân: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài :

$4 : 8 = \frac{4}{8} = 0,5$

$7 : 5 = \frac{7}{5} = 1,4$

$1 : 2 = \frac{1}{2} = 0,5$

$7 : 4 = \frac{7}{4} = 1,75$

4. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài : Khoanh vào ý: D. 40%

5. Tìm tỉ số phần trăm của hai số: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài : củng cố cách tìm tỉ số phần trăm

a) 3,2 và 4

7,2 và 3,2

$3,2 : 4 = 0,8$

$7,2 : 3,2 = 2,25$

Tỉ số phần trăm của 3,2 và 4 là 80%

Tỉ số phần trăm của 7,2 và 3,2 là 225%

6. Tính: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài :

a) $2,7\% + 10,32\% = 13,02\%$

b) $45,8\% - 24,25\% = 21,55\%$

c) $100\% - 37\% - 25,5\% = 63\% - 25,5\% = 37,5\%$

7. Giải bài toán sau: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài :

Bài giải

Số cây lớp 5A đã trồng là:

$$180 : 100 \times 45 = 81 \text{ (cây)}$$

Lớp 5A còn phải trồng số cây là:

$$180 - 81 = 99 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 99 cây

* 8. Giải bài toán sau: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài :

Bài giải

Diện tích đất trồng cao su bằng số phần trăm diện tích đất trồng cà phê là:

$$320 : 480 = 66,6\%$$

Diện tích đất trồng cao su bằng số phần trăm diện tích đất trồng cà phê là:

$$480 : 320 = 115 \%$$

Đáp số: a) 66.6%

b) 115 %

B. Hoạt động ứng dụng: Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà cùng với người thân thực hiện các yêu cầu ở HĐƯD.

Ngày soạn: 19/4/20...

Ngày dạy: Thứ sáu, 22/4/20...

BÀI 107: ÔN TẬP VỀ PHÉP CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ ĐO THỜI GIAN

I. Mục tiêu:

- Em ôn tập về các phép tính cộng, trừ với số đo thời gian.
- Các phép tính nhân, chia số đo thời gian với số tự nhiên và vận dụng trong giải toán về chuyển động đều.
- Hs thực hiện được HĐ 4.

II. Đồ dùng:

1. GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

A. Hoạt động thực hành

1. Khởi động: Chơi trò chơi : “ **Đọc đúng - nói nhanh**” – **HĐ 1**

- GV nhận xét, tuyên dương nhóm chơi tốt.
- Gv giới thiệu bài

- Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

2. Tính: (HĐ cá nhân)

- HS làm làm bài
- HS trao đổi Kq với bạn.
- GV KT, NX

- a) 24 giờ 9 phút : 3 = 8 giờ 9 phút 2 giờ 14 phút x 3 = 6 giờ 42 phút
 5 phút 18 giây : 2 = 2 phút 39 giây 12 phút 42 giây x 2 = 25 phút 24 giây
 c) 15, 6 phút : 6 + 1,27 phút x 3 = 2,6 phút + 3,81phút = 6,41 phút.

3. Nối mỗi phép tính với Kq đúng:

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài :

$$15 \text{ giờ } 19 \text{ phút} - 7 \text{ giờ } 8 \text{ phút} = 8 \text{ giờ } 11 \text{ phút}$$

$$45 \text{ phút } 24 \text{ giây} - 5 \text{ phút } 37 \text{ giây} = 39 \text{ phút } 47 \text{ giây}$$

$$5 \text{ phút } 13 \text{ giây} \times 7 = 36 \text{ phút } 31 \text{ giây}$$

$$30,24 \text{ giờ} : 6 = 5,04 \text{ giờ} \qquad 26 \text{ giờ } 35 \text{ phút} : 5 = 5 \text{ giờ } 19 \text{ phút}$$

*** 4. Giải bài toán:** (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài : Bài giải:

Không kể thời gian dừng lại thì người đó đi từ A đến B hết số giờ là:

$$9 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - (7 \text{ giờ } 15 \text{ phút} + 25 \text{ phút}) = 1 \text{ giờ } 50 \text{ phút}$$

$$1 \text{ giờ } 50 \text{ phút} = \frac{11}{6} \text{ giờ}$$

$$\text{Vận tốc của người đi xe máy là: } 55 : \frac{11}{6} = 30 \text{ (km/giờ)}$$

ĐS: 30 km/giờ

B. Hoạt động ứng dụng: Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà cùng người thân thực hiện các yêu cầu ở HĐƯD.

TUẦN 33

Tiết 1: Chào cờ

TẬP TRUNG ĐẦU TUẦN.

Tiết 2: Toán

Ngày soạn: 22/4/20...

Ngày dạy: Thứ hai, 25/4/20... (T1)

Ngày dạy: Thứ ba, 26/4/20... (T2)

BÀI 108: ÔN TẬP VỀ TÍNH CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH

I. Mục tiêu:

- Em ôn tập về công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học và biết vận dụng vào giải toán.
- Giải các bài toán liên quan đến tỉ lệ.

* HS vận dụng kiến thức làm được HĐ 4, HĐ 7 (HĐTH)

II. Đồ dùng:

.GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Trò chơi “truyền quà”.Nêu công thức tính chu vi hình chữ nhật.

- GV giới thiệu bài
- Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động thực hành

1. Cùng nhau nêu công thức tính chu vi và diện tích của các hình: (HĐ cặp đôi)

- HS làm làm bài
- HS trao đổi Kq với bạn.
- GV KT, NX

2. Thực hiện các hoạt động sau rồi chia sẻ với bạn: (HĐ cặp đôi)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài :

Vd₁: Tính chu vi, diện tích hình chữ nhật biết $CR = 3\text{cm}$, $CD = 4\text{cm}$.

Chu vi của hình chữ nhật là: $(3 + 4) \times 2 = 14(\text{cm})$

Diện tích của hình chữ nhật là: $3 \times 4 = 12 (\text{cm}^2)$

Vd₂: Tính chu vi, diện tích của hình tròn biết đường kính của nó là 8cm

Bán kính của hình trong là : $8 : 2 = 4 (\text{cm})$

Chu vi của hình tròn là : $8 \times 3,14 = 25,12(\text{cm})$

Diện tích của hình tròn là: $4 \times 4 \times 3,14 = 50,24(\text{cm}^2)$

3. Giải bài toán: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài :

Bài giải:

Chiều dài khu vườn là:

$$80: 2 \times 3 = 120 (\text{m})$$

Chu vi khu vườn là:

$$(120 + 80) \times 2 = 400 (\text{m})$$

Diện tích khu vườn là:

$$120 \times 80 = 9\,600 (\text{m}^2)$$

$$9\,600 \text{ m}^2 = 0,96 \text{ ha}$$

Đáp số: a) 400m

b) 0,96 ha

* 4. Em quan sát hình vẽ bên và tính: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài :

Bài giải:

Diện tích của hình vuông ABCD là:

$$(4 \times 4) : 2 \times 4 = 32 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích của hình tròn là :

$$4 \times 4 \times 3,13 = 50,24 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích phần đã tô đậm là:

$$50,24 - 32 = 18,24 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 18,24 \text{ cm}^2$$

5. Giải bài toán: (HĐ cặp đôi)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài :

Bài giải:

a) Chiều rộng của sân vận động là:

$$15 \times 1000 = 15\ 000 \text{ (cm)} = 150 \text{ m}$$

Chiều dài của sân vận động là:

$$12 \times 1000 = 12\ 000 \text{ (cm)} = 120 \text{ m}$$

Chu vi sân vận động là:

$$(150 + 120) \times 2 = 540 \text{ (m)}$$

b) Diện tích sân vận động là:

$$150 \times 120 = 18\ 000 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: a) 540m

b) 18 000 m²

6. Giải bài toán: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài :

Bài giải

1 cạnh của sân gạch là:

$$60 : 4 = 15 \text{ (m)}$$

Diện tích của sân gạch là:

$$15 \times 15 = 225 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 225 m²

*** 7. Giải bài toán: (HĐ cá nhân)**

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi thống nhất kết quả trong nhóm
- GV KT, chữa bài :

Bài giải

Diện tích của hình thang bằng diện tích hình vuông nên ta có:

$$10 \times 10 = 100 \text{ (m}^2\text{)}$$

Trung bình cộng hai đáy là:

$$(12 + 8) : 2 = 10 \text{ (m)}$$

Chiều cao của hình thang là:

$$100 : 10 = 10 \text{ (m)}$$

Đáp số: 10m

* Hs chia sẻ nội dung bài

- Qua bài học bạn học được những gì?
- Nêu công thức tính diện tích hình thang?

B. Hoạt động ứng dụng:Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà cùng người thân thực hiện yêu cầu ở HĐƯD.

Bài giải

Diện tích của mảnh vườn đó là:

$$(65 + 44) \times 45 : 2 = 2452,5 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích để trồng rau là:

$$2452,5 \times 20 : 100 = 490,5 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích đất trồng chuối là:

$$2452,5 - 490,5 = 1962 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 1962m²

Ngày soạn: 23/4/20...

Ngày dạy: Thứ tư, 27/4/20... (T1)

Ngày dạy: Thứ năm, 28/4/20... (T2)

BÀI 109 : ÔN TẬP VỀ TÍNH DIỆN TÍCH, THỂ TÍCH MỘT SỐ HÌNH

I. Mục tiêu:

Em ôn tập về:

- Công thức tính diện tích và thể tích các hình đã học
- Vận dụng công thức để tính thể tích, diện tích một số hình.

* HS thực hiện được HĐ 3 ; HĐ 7(HĐTH)

II. Đồ dùng:

GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

A.Hoạt động thực hành

1. Khởi động : Trò chơi : “truyền điện”. Cùng nhau nêu công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

- HS làm bài
- HS trao đổi Kq với bạn.
- GV KT, NX

2. Thực hiện các hoạt động sau rồi chia sẻ với bạn: (HĐ cặp đôi)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài :

Vd: Tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình lập phương có cạnh bằng 6cm.

Diện tích xung quanh của hình lập phương là:

$$6 \times 6 \times 4 = 144 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình lập phương là:

$$6 \times 6 \times 6 = 216 \text{ (cm}^2\text{)}$$

* **3.** Giải bài toán: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

Bài giải:

a) Thể tích của cái hộp đó là:

$$25 \times 12 \times 10 = 3000 \text{ (cm}^3\text{)}$$

b) Nếu dán tất cả các mặt ngoài của cái hộp đó thì cần dùng số xăng-ti-mét vuông giấy màu là:

$$((25 + 12) \times 2 \times 10) + 2 \times (25 \times 12) = 1340 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: a) 3000cm^3

b) 1340 cm^2

4. Giải bài toán (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa

Thể tích của bể là:

$$1,5 \times 0,8 \times 1 = 1,2 \text{ (m}^3\text{)}$$

Thời gian để vòi nước chảy đầy bể là:

$$1,2 : 0,5 = 2,4 \text{ (giờ)}$$

Đáp số: 2,4 giờ

5. Viết số đo thích hợp vào ô trống

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chốt đáp án

a)

Hình HCN	(1)	(2)
Chiều dài	6cm	1,8m
Chiều rộng	4cm	1,2m
Chiều cao	5cm	0,8m
$S_{\text{xung quanh}}$	100cm^2	$4,8\text{m}^2$
$S_{\text{toàn phần}}$	148cm^2	$9,12\text{m}^2$
Thể tích	120cm^3	$1,728\text{m}^3$

b)

Hình lập phương	(1)	(2)
Cạnh	7cm	2,5m
$S_{\text{xung quanh}}$	196cm^2	25m^2
$S_{\text{toàn phần}}$	294cm^2	$37,5\text{m}^2$
Thể tích	343cm^3	$15,625\text{m}^3$

6. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

Diện tích đáy bể là:

$$1,5 \times 1,2 = 1,8 (\text{m}^2)$$

Chiều cao của bể là:

$$1,44 : 1,8 = 0,8 (\text{m})$$

Đáp số: 0,8 m

* 7. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chốt

Ý đúng: D. 8 lần

* HS chia sẻ nội dung bài

- Qua bài học em học được gì?
- Nêu công thức tính diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật.

B. Hoạt động ứng dụng: Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà cùng người thân thực hiện yêu cầu ở HĐUD

Bài giải:

$$\text{Thể tích nước trong bể là: } 8 \times 8 \times 6 = 384 (\text{dm}^3)$$

$$\text{Thể tích nước trong bể khi có san hô: } 8 \times 8 \times 7 = 448 (\text{dm}^3)$$

$$\text{Thể tích của san hô là: } 448 - 384 = 64 (\text{dm}^3)$$

Đáp số: 64dm^3

Ngày soạn: 24/4/20...

Ngày dạy: Thứ sáu, 29/4/20...

BÀI 110: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. Mục tiêu:

- Em ôn tập về cách tính diện tích, thể tích các hình đã học
- * HS vận dụng được kiến thức thực hiện HĐ3

II. Đồ dùng:

1.GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

A.Hoạt động thực hành

1. Khởi động: Trò chơi: Đố bạn- HĐ 1

- Gv giới thiệu bài

- Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

2. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

Chu vi mặt đáy của hình hộp chữ nhật đó là:

$$(60 + 40) \times 2 = 200 \text{ (cm)}$$

Chiều cao của hình hộp chữ nhật là:

$$6000 : 200 = 30 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 30 cm

* 3. Giải bài toán (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

Chia mảnh đất thành hai hình là 1 hình chữ nhật và 1 hình tam giác.

Bài giải

Chu vi của mảnh đất trong bản đồ là:

$$2,5 + 5 + 2,5 + 4 + 3 = 17 \text{ cm}$$

Ngoài thực tế chu vi của mảnh đất là :

$$17 \times 1000 = 17\,000 \text{ cm}$$

$$= 170 \text{ m}$$

Cạnh AB = EC và bằng:

$$5 \times 1000 = 5\,000 \text{ cm} = 50 \text{ m}$$

Cạnh AE = BC và bằng:

$$2,5 \times 1000 = 2\,500 \text{ cm} = 25 \text{ m}$$

Cạnh ED ngoài thực tế là:

$$4 \times 1000 = 4000 \text{ cm} = 40 \text{ m}$$

Cạnh CD ngoài thực tế là:

$$3 \times 1000 = 3000 \text{ cm} = 30 \text{ m}$$

Diện tích của mảnh đất ngoài thực tế là :

$$(50 \times 20) + (40 \times 30 : 2) = 1850 \text{ m}^2$$

Đáp số: Chu vi: 170m

Diện tích: 1850m²

B. Hoạt động ứng dụng: Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà cùng người thân thực hiện các yêu cầu ở HĐỨD.

TUẦN 34

Tiết 1: Chào cờ

TẬP TRUNG ĐẦU TUẦN

Tiết 2: Toán

Ngày soạn: 24/4/20...

Ngày dạy: Thứ , / 5 /20...

BÀI 111: ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN

I. Mục tiêu:

- Em ôn tập về cách giải một số dạng bài toán có lời văn ở lớp 5.

* HS thực hiện được bài 4 theo 2 cách.

II. Đồ dùng:

1.GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

A.Hoạt động thực hành

1.Khởi động: Trò chơi: Đố bạn- HĐ 1

- Gv giới thiệu bài
- Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

2. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT,chữa bài

Bài giải

Quãng đường xe đạp đi được trong giờ thứ ba là:

$$(15 + 19) : 2 = 17(\text{km})$$

Trung bình mỗi giờ người đi được số km là:

$$(15 + 19 + 17) : 3 = 17(\text{km})$$

- Dạng toán: Tìm trung bình cộng

3. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT,chữa bài

a) Đây là dạng toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu.

b)

Bài giải

Nửa chu vi của mảnh đất là:

$$160 : 2 = 80 \text{ (m)}$$

Chiều dài của mảnh đất là:

$$(80 + 20) : 2 = 50 \text{ (m)}$$

Chiều rộng của mảnh đất là:

$$50 - 20 = 30 \text{ (m)}$$

Đáp số: CD: 50m

CR: 30m

* 4. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

Cách 1

Bài giải

1 kg gạo có giá tiền là:

$$232\,500 : 15 = 15\,500 \text{ (đồng)}$$

Người thứ hai mua số gạo là:

$$77\,500 : 15\,500 = 5 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 5kg

Cách 2

Bài giải

232 500 gấp 77 500 số lần là:

$$232\,500 : 77\,500 = 3 \text{ (lần)}$$

Người thứ hai mua số gạo là

$$15 : 3 = 5 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 5kg

- **KI:** Dạng bài toán liên quan đến tỉ lệ, có thể giải theo cách rút về đơn vị.

B. Hoạt động ứng dụng: Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về làm bài rồi viết vào vở
- Giờ sau chia sẻ trước lớp.

Bài giải:

Thời gian bác An đi từ nhà về quê là :

$$(16 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - 7 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - 5 \text{ giờ}) : 2 = 2 \text{ (giờ)}$$

Vận tốc trung bình bác An đi là:

$$57 : 2 = 28,5 \text{ (giờ)}$$

Đáp số: 28,5 giờ

Ngày soạn: 24/4/20...

Ngày dạy: Thứ , / 5 /20...

BÀI 112: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC**I. Mục tiêu:**

Em ôn tập về cách giải một số dạng bài toán có lời văn ở lớp 5.

* HS vận dụng kiến thức thực hiện được HĐ 4

II. Đồ dùng:

GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**A. Hoạt động thực hành****1. Khởi động:** Trò chơi: Rút thẻ- HĐ 1

- Gv giới thiệu bài
- Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

2. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chốt đáp án

a) 50 km / giờ b) 24km/giờ c) 0,6 giờ

3. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

Vận tốc của ô tô: $90 : 1,5 = 60$ (km/h)

Vận tốc của xe máy: $60 : 2 = 30$ (km/h)

Thời gian xe máy đi quãng đường AB là

$$90 : 30 = 3 \text{ (giờ)}$$

Vậy ô tô đi đến B trước xe máy khoảng thời gian là:

$$3 - 1,5 = 1,5 \text{ (giờ)}$$

Đáp số: 1,5 giờ

*** 4. Giải bài toán(HĐ cá nhân)**

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

Bài giải:

Sau 1 giờ, cả hai ô tô đi được quãng đường là:

$$180 : 20 = 90 \text{ (km)}$$

Vận tốc của ô tô đi từ A- B là:

$$90 : (2 + 3) \times 2 = 36 \text{ (km/giờ)}$$

Vận tốc ô tô đi từ B- A là:

$$90 - 36 = 54 \text{ (km/giờ)}$$

Đáp số: 36 km/giờ

54 km/giờ

KL: Dạng toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số

B. Hoạt động ứng dụng:Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà cùng người thân thực hiện các yêu cầu ở HĐUD

Ngày soạn: 25/4/20...

Ngày dạy: Thứ , / 5 /20...

BÀI 113: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. Mục tiêu

- Em ôn tập về cách giải một số dạng bài toán có lời văn ở lớp 5.

* HS thực hiện được HĐ3 theo 2 cách.

II. Đồ dùng:

1.GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

***Khởi động:** Trò chơi “truyền quà” nêu cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số:

- Gv giới thiệu bài
- Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động thực hành

1. Giải bài toán(HĐ nhóm)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT,chữa bài

Diện tích của hình tam giác BEC là:

$$13,6 : (3-2) \times 2 = 27,2 (m^2)$$

Diện tích của hình tứ giác ABED là:

$$13,6 + 27,2 = 40,8(m^2)$$

$$\text{Đáp số: } 27,2 (m^2)$$

$$40,8(m^2)$$

2. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT,chữa bài

Số học sinh nữ là

$$28 : (3 + 4) \times 3 = 12 (\text{học sinh})$$

Số học sinh nam là:

$$28 - 12 = 16 (\text{học sinh})$$

Số học nữ nhiều hơn số học sinh nam là:

$$26 - 12 = 4 (\text{học sinh})$$

$$\text{Đáp số: } 4 \text{ học sinh}$$

* 3. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT,chữa bài

1 km tiêu thụ hết số lít xăng là:

$$100 : 12 = 0,12 (l)$$

330 km tiêu thụ hết số lít xăng là:

$$0,12 \times 330 = 39,6 (l)$$

$$\text{Đáp án: } 39,6l$$

4. Giải bài toán(cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT,chữa bài

Số học sinh nữ là: $(1138 - 92) : 2 = 523$ (học sinh)

Số học sinh nam là: $523 + 92 = 615$ (học sinh)

Đáp số: 523 học sinh

615 học sinh

5. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

Làm xong công việc trong một ngày cần số người là:

$$10 \times 9 = 90 \text{ (người)}$$

Làm xong công việc trong năm ngày cần số người là:

$$90 : 5 = 18 \text{ (người)}$$

Đáp số: 18 (người)

6. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

Đội 2 trồng được số cây là: $1356 - 246 = 1110$ (cây)

Đội 3 trồng được số cây là: $(1110 + 1356) \times 1 : 3 = 822$ (cây)

Trung bình mỗi đội trồng được số cây là: $(1356 + 1110 + 822) : 3 = 1096$ (cây)

B. Hoạt động ứng dụng:Hoạt động cùng cộng đồng.

- Về nhà cùng người thân thực hiện các yêu cầu ở HĐUD

Ngày soạn: 25/4/20...

Ngày dạy: Thứ , / 5 /20...

BÀI 114: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. Mục tiêu

- Em ôn tập về cách giải bài toán có nội dung hình học.
- * HS thực hiện được HĐ 3.

II. Đồ dùng:

GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

***Khởi động:** Trò chơi “truyền quà” nêu cách tính diện tích hình thang

- Gv giới thiệu bài
- Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu

A. Hoạt động cơ bản

1. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

Chiều rộng của nền nhà là: $8 : 4 \times 3 = 6(m)$

Diện tích của nền nhà là: $8 \times 6 = 48 (m^2)$
 $= 4 800dm^2$

Diện tích 1 viên gạch hình vuông là: $4 \times 4 = 16 dm^2$

Số viên gạch để lát cả nền là: $4 800 : 16 = 300(viên)$

Số tiền mua 300 viên gạch là: $65 000 \times 300 = 19 500 000(đồng)$

Đáp số: 19 500 000 đồng

2. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

Cạnh của hình vuông là: $96 : 4 = 24 (m)$

Diện tích của hình thang là : $24 \times 24 = 576 (m^2)$

Chiều cao của hình thang là: $576 : 36 = 16 (m)$

Tổng độ dài hai đáy là: $36 \times 2 = 72(m)$

Đáy bé của hình thang là : $(72 - 10) : 2 = 31 (m)$

Đáy lớn của hình thang là: $72 - 31 = 41 (m)$

Đáp số: a) 16m

b) 31m

41m

*3. Giải bài toán(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

Chu vi của hình chữ nhật ABCD là: $(84 + 28) \times 2 = 224(cm)$

Diện tích của hình thang EBCD là: $(28 + 84) \times 28 : 2 = 1568 (cm^2)$

Cạnh BM dài là: $28 : 2 = 14 (cm)$

Diện tích của hình tam giác EDM là: $1568 - ((28 \times 14 : 2) + (14 \times 84 : 2)) = 784(cm^2)$

B. Hoạt động ứng dụng

Về nhà cùng người thân thực hiện các yêu cầu ở HĐƯD

Ngày soạn: 25/4/20...

Ngày dạy: Thứ , / 5 /20...

BÀI 115: ÔN TẬP VỀ BIỂU ĐỒ

I. Mục tiêu

- Em ôn tập về đọc số liệu trên biểu đồ, bổ sung tư liệu trong một bảng thống kê số liệu,..

* HS thực hiện được HĐ3 theo 2 cách.

II. Đồ dùng:

GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

***Khởi động:** HĐ 1: Chơi trò chơi : “ Làm biểu đồ”

- Gv giới thiệu bài
- Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động thực hành

1. Giải bài toán(HĐ nhóm)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT,nhận xét.

2. (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT,chữa bài

a) Có 5 bạn trồng cây

Lan: 3 cây Hòa: 2 cây Liên: 5 cây Mai : 8 cây Dũng : 4 cây

b) Bạn Mai trồng được nhiều cây nhất

c) Bạn Hòa trồng được ít cây nhất

d) Những bạn trồng được nhiều cây hơn bạn Dũng là: Liên và Mai

e) Những bạn trồng được ít cây hơn bạn Liên là: Lan, hòa, Dũng.

3. (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, nhận xét

4. (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT,nhận xét.

B. Hoạt động ứng dụng

Về nhà cùng người thân thực hiện các yêu cầu ở HĐƯD.

TUẦN 35

Tiết 1: Chào cờ

TẬP TRUNG ĐẦU TUẦN

Tiết 2: Toán

Ngày soạn: 6/5/20...

Ngày dạy: Thứ hai, 9/ 5 /20... (T1)

Ngày dạy: Thứ ba, 10/5/20... (T2)

BÀI 116: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. Mục tiêu

Em ôn tập về :

- Thực hiện các phép cộng, trừ, phép nhân, phép chia.
- Vận dụng để tính giá trị của biểu thức số, tìm thành phần chưa biết của phép tính.
- Giải toán có liên quan đến tỉ số phần trăm.

* HS thực hiện được bài 10.

II. Đồ dùng:

GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**A. Hoạt động thực hành****1. Khởi động:** HĐ 1: Chơi trò chơi : “ xếp nhanh các thẻ dưới đây thành phép tính đúng”.

- Gv giới thiệu bài
- Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

2. Tính (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài.

a) $85793 - 36841 + 3826 = 48952 + 3826 = 52778$

b) $\frac{84}{100} - \frac{29}{100} + \frac{30}{100} = \frac{84 - 29 + 30}{100} = \frac{85}{100} = 0,85$

c) $325,97 + 86,54 + 103,46 = 325,97 + (86,54 + 103,46) = 325,97 + 190 = 515,97$

3. Tìm x: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

a) $x + 2,8 = 4,72 + 2,28$

$x + 2,8 = 7$

$x = 7 - 2,8$

$x = 4,2$

b) $x - 7,2 = 3,9 + 2,7$

$x - 7,2 = 6,6$

$x = 6,6 + 7,2$

$x = 13,8$

4. Giải bài toán (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài

Đáy lớn của mảnh đất hình thang là: $150 : 3 \times 5 = 250$ (m)Chiều cao mảnh đất hình thang là: $250 : 5 \times 2 = 100$ (m)Diện tích mảnh đất hình thang là: $(250 + 150) \times 100 : 2 = 20\ 000$ (m²)

$= 20$ ha

Đáp số: 20 000(m²)

20 ha

5. Giải bài toán (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài.

Sau 1 giờ ô tô chở hàng đi được số ki-lô-mét là:

$45 \times 1 = 45$ (km)

Sau mỗi giờ, ô tô du lịch gần ô tô chở hàng là:

$60 - 45 = 15$ (km)

Thời gian ô tô du lịch đuổi kịp ô tô chở hàng là:

$$45 : 15 = 3 \text{ (giờ)}$$

Đáp số: 3 giờ

6. Tìm x

$$\frac{4}{x} = \frac{1}{5}$$

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài. $x = 20$ vì $\frac{4}{20} = \frac{1}{5}$

7. Tính: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chốt đáp án

a) $683 \times 35 = 23905$

$1645 \times 425 = 699125$

$2438 \times 306 = 746028$

b) $\frac{7}{9} \times \frac{3}{35} = \frac{1}{15}$

$\frac{9}{22} \times 55 = \frac{45}{2}$

$\frac{11}{17} : \frac{33}{34} = \frac{2}{3}$

c) $36,66 : 7,8 = 4,7$

$15,7 : 6,28 = 2,5$

$27,63 : 0,45 = 61,4$

d) $16 \text{ giờ } 15 \text{ phút} : 5 = 3 \text{ giờ } 15 \text{ phút}$

$14 \text{ phút } 36 \text{ giây} : 12 = 2 \text{ phút } 3 \text{ giây}$

8. Tìm x: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài.

a) $0,12 \times x = 6$

b) $x : 2,5 = 4$

$x = 6 : 0,12$

$x = 4 \times 2,5$

$x = 50$

$x = 10$

c) $5,6 : x = 4$

$x \times 0,1 = \frac{2}{5}$

$x = 5,6 : 4$

$x = \frac{2}{5} : 0,1$

$x = 1,4$

$x = 4$

9. Giải bài toán: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn

- GV KT, chữa bài.

Thứ ba của hàng bán được số phần trăm là:

$$100\% - (35\% + 40\%) = 25\%$$

Số ki-lô-gam đường ngày thứ ba bán được là:

$$2400 \times 25 : 100 = 600 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 600 kg đường

***10. Giải bài toán: (HĐ cá nhân)**

- HS làm bài cá nhân.

- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài.

Số phần trăm cả lãi và vốn là:

$$100\% + 20\% = 120\%$$

Số tiền vốn là:

$$1\ 800\ 000 : 120 \times 100 = 1\ 500\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 1 500 000 đồng.

B. Hoạt động ứng dụng

Về nhà cùng người thân thực hiện các yêu cầu ở HĐƯD.

Ngày soạn: 7/6/20...

Ngày dạy: Thứ tư, 11/5/20...

BÀI 117: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. Mục tiêu:

Em ôn tập về phân số, số thập phân, tỉ số phần trăm và vận dụng để giải bài toán có lời văn.

* HS thực hiện được bài 6

II. Đồ dùng:

GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

A. Hoạt động thực hành

1. Khởi động: HĐ 1: Chơi trò chơi : “ Đố ai thi tìm nhanh”

- Gv giới thiệu bài
- Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

2. Tính (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài.

$$a) 1\frac{5}{7} \times \frac{3}{4} = \frac{12}{7} \times \frac{3}{4} = \frac{9}{7}$$

$$b) \frac{10}{11} : 1\frac{1}{3} = \frac{10}{11} : \frac{4}{3} = \frac{10}{11} \times \frac{3}{4} = \frac{30}{44} = \frac{15}{22}$$

$$c) 3,57 \times 4,1 + 2,43 \times 4,1$$

$$= (3,57 + 2,43) \times 4,1$$

$$= 6 \times 4,1$$

$$= 24,6$$

$$d) 3,42 : 0,57 \times 8,4 - 6,8$$

$$= 6 \times 8,4 - 6,8$$

$$= 50,4 - 6,8$$

$$= 43,6$$

3. Tính bằng cách thuận tiện nhất (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài.

$$a) \frac{21}{11} \times \frac{22}{17} \times \frac{68}{63}$$

$$= \frac{21}{11} \times \frac{2 \times 11}{17} \times \frac{17 \times 4}{21 \times 3}$$

$$b) \frac{5}{14} \times \frac{7}{13} \times \frac{26}{25}$$

$$= \frac{5}{7 \times 2} \times \frac{7}{13} \times \frac{13 \times 2}{5 \times 5}$$

$$= \frac{8}{3} \qquad \qquad \qquad = \frac{1}{5}$$

4. Giải bài toán (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài.

Chiều cao của nước trong bể là:

$$414,72 : (22,5 \times 19,2) = 0,96 \text{ (m)}$$

Chiều cao của bể là:

$$0,96 : 4 \times 5 = 1,2 \text{ (m)}$$

Đáp số: 1,2 m

5. Giải bài toán (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài.

Thuyền đi xuôi dòng sau 3,5 giờ thì đi được số ki-lô-mét là:

$$(7,2 + 1,6) \times 3,5 = 30,8 \text{ (km)}$$

Số thời gian để thuyền đi ngược dòng để đi được quãng đường như khi xuôi dòng trong 3,5 giờ là:

$$30,8 : (7,2 - 1,6) = 5,5 \text{ (giờ)} = 5 \text{ giờ } 30 \text{ phút}$$

Đáp số: a) 30,8km

b) 5 giờ 30 phút.

*** 6. Tìm x (HĐ cá nhân)**

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài.

$$8,75 \times x + 1,25 \times x = 20$$

$$x \times (8,75 + 1,25) = 20$$

$$x \times 10 = 20$$

$$x = 20 : 10$$

B. Hoạt động ứng dụng

Về nhà cùng người thân thực hiện yêu cầu ở HĐƯD.

Ngày soạn: 8/5/20...

Ngày dạy: Thứ sáu, 13/5/20...

BÀI 118. EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. Mục tiêu

Em ôn tập về:

- Tính giá trị của biểu thức; tìm số trung bình cộng.
- Giải bài toán có liên quan đến tỉ số phần trăm.

II. Đồ dùng:

GV, HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

A. Hoạt động thực hành

1. Khởi động: HĐ 1: Chơi trò chơi : “ Tính nhanh”

- Gv giới thiệu bài
- Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

2. Tính (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài.

$$\begin{aligned} \text{a) } 6,78 - (8,951 + 4,784) &: 2,05 \\ &= 6,78 - 13,735 : 2,05 \\ &= 6,78 - 6,7 \\ &= 0,08 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 6 \text{ giờ } 45 \text{ phút} + 14 \text{ giờ } 30 \text{ phút} &: 5 \\ &= 6 \text{ giờ } 45 \text{ phút} + 2 \text{ giờ } 30 \text{ phút} \\ &= 8 \text{ giờ } 75 \text{ phút} \\ &= 9 \text{ giờ } 15 \text{ phút} \end{aligned}$$

3. Tìm số trung bình cộng của (HĐ cá nhân)

$$\text{a) } 19, 34 \text{ và } 46 \qquad \text{b) } 2,4 ; 2,7; 3,5 \text{ và } 3,8$$

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài.

Đáp án:

$$\text{a) } 33 \qquad \text{b) } 3,1$$

4. Giải bài toán: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài.

Số học sinh gái là: $19 + 2 = 21$ (học sinh)

Tổng số học sinh cả lớp là: $19 + 21 = 40$ (học sinh)

Học sinh trai chiếm số phần trăm là: $19 : 40 \times 100\% = 47,5\%$

Học sinh gái chiếm số phần trăm là: $21 : 40 \times 100\% = 52,5 \%$

Đáp số: $47,5 \%$

$52,5 \%$

5. Giải bài toán: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài.

Số sách tặng trong 1 năm là: $6\ 000 \times 20 : 100 = 1\ 200$ (quyển)

Sau 2 năm thư viện có tất cả số sách là: $6\ 000 + 1\ 200 = 7\ 200$ (quyển)

Đáp số: 7 200 quyển

6. Giải bài toán: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi kết quả với bạn
- GV KT, chữa bài.

Vận tốc của tàu khi nước lặng là: $(28,4 + 18,6) : 2 = 23,5$ (km/giờ)

Vận tốc dòng nước là: $(28,4 - 18,6) : 2 = 4,9$ (km/giờ)

Đáp số: a) 23,5 giờ

b) 4,9 giờ.

B. Hoạt động thực hành

Về nhà cùng người thân thực hiện các yêu cầu ở HĐUD